

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN BẢN

QUYỂN HẠ

PHẦN 6: SỰ TU TẬP VỀ NHÂN QUẢ

Như trên đã nói nhân quả của sự ngộ nhập, còn sự tu tập sai biệt về nhân quả ấy làm sao thấy? Điều này nên được thấy qua mười địa của Bồ-tát. Những gì là mười địa?

1. Địa Cực hỷ
2. Địa Ly cấu
3. Địa Phát quang
4. Địa Diệm tuệ
5. Địa Nan thắng
6. Địa Hiện tiền
7. Địa Viễn hành
8. Địa Bất động
9. Địa Thiện tuệ
10. Địa Pháp vân

Lý do thiết lập nên mười địa như vậy làm sao thấy được? Vì muốn đối trị mười pháp vô minh tức những chướng ngại bị đối trị. Tại sao? Vì mười sắc thái pháp tánh có mười thứ vô minh chướng ngại. Những gì là mười sắc thái pháp tánh? Đối với địa thứ nhất là biến hành, địa thứ hai là tối thắng, địa thứ ba là thắng lưu, địa thứ tư là không nhiếp thọ, địa thứ năm là không sai biệt, địa thứ sáu là không tập nhiễm tịnh, địa thứ bảy là mỗi pháp không sai biệt, địa thứ tám là không thêm bớt, thân tự tại và cõi tự tại, địa thứ chín là trí tự tại, địa thứ mười là nghiệp tự tại, tổng trì tự tại và chánh định tự tại. Trong đây có dẫn ba bài tụng làm chứng:

*Nghĩa biến hành tối thắng
Và cùng nghĩa thắng lưu
Như vậy nghĩa không nhiếp
Tương tục không sai biệt*

*Không tạp nghĩa nhiễm tịnh
 Mỗi loại không sai biệt
 Nghĩa không tăng không giảm
 Nghĩa nương bốn tự tại
 Trong pháp giới có mười
 Không vô minh nhiễm ô
 Trị và chướng bị trị
 Nên an lập mười địa.*

Hơn nữa phải biết mười thứ vô minh như vậy đối với Thanh-văn không phải là ô nhiễm nhưng đối với Bồ-tát thì là ô nhiễm.

Vả lại, vì sao địa thứ nhất gọi là cực hỷ? Vì ở đây lần đầu tiên đạt được năng lực thù thắng tức có thể làm mọi sự nghĩa lợi cho mình và người. Tại sao địa thứ hai được gọi là ly cấu? Vì địa này hoàn toàn xa lìa sự phạm giới như bản. Tại sao địa thứ ba được gọi là phát quang? Vì ở đây là chỗ nương tựa của đẳng trì và đẳng chí không thoái chuyển, là chỗ nương tựa của chánh pháp lớn lao. Tại sao địa thứ tư gọi là diệm tuệ? Vì ở đây các pháp Bồ-đề phần thiêu đốt hết thảy chướng ngại. Tại sao địa thứ năm được gọi là Nan thắng? Vì trí chân đế và trí thế gian mâu thuẫn lẫn nhau nhưng ở đây lại kết hợp được hai trí đó làm cho chúng thích ứng với nhau. Tại sao địa thứ sáu được gọi là hiện tiền? Vì ở đây cái trí duyên khởi làm chỗ tựa khiến cho tuệ Ba-la-mật-đa hiện ra trước mắt. Tại sao địa thứ bảy được gọi là viễn hành? Vì ở đây là đã hành công dụng đạt đến giới hạn cuối cùng. Tại sao địa thứ tám được gọi là bất động? Vì ở đây hết thảy hữu tướng, hạnh công dụng đều không thể dao động. Tại sao địa thứ chín được gọi là thiện tuệ? Vì ở đây đạt được trí vô ngại, tối thắng. Tại sao địa thứ mười được gọi là pháp vân? Vì ở đây đạt được trí tổng trì duyên tất cả pháp bao chứa hết thảy các môn Đà-la-ni và Tam-ma-địa. Lại nữa, ở đây ví như mây to che phủ như không gian bao trùm và viên mãn được pháp thân.

Làm sao thấy được sự chứng đắc mười địa như vậy? Do bốn tướng trạng sau đây:

1. Chứng đắc thắng giải là tin hiểu sâu xa đối với các địa.
2. Chứng đắc chánh hạnh là mười chánh pháp hạnh thích hợp đối với các địa.
3. Chứng đắc thông là ở địa thứ nhất khi thông đạt pháp giới thì đã thông đạt cùng khắp tất cả các địa.
4. Chứng đắc thành mãn là tu chứng các địa đạt đến cứu cánh.

Làm sao thấy được sự tu tập các địa? Các vị Bồ-tát trong mỗi

địa đều tu chỉ và quán bằng năm sắc thái tu tập. Những gì là năm? Là tu tổng trì tập, tu vô tướng, tu không dụng công, tu xí thanh, tu không mừng đủ. Năm sự tu tập này giúp cho BỒ-tát thành tựu năm kết quả. Đó là:

1. Trong mỗi ý nghĩ làm tan chảy (tiêu dụng) mọi thứ nương tựa của các pháp thô nặng.
2. Rời xa các tướng và được an vui trong vườn hoa chánh pháp.
3. Biết được ánh sáng chánh pháp lớn lao không có giới hạn, phổ biến và vô lượng.
4. Đã hiện hành cái vô tướng thuận với phần thanh tịnh không còn phân biệt.
5. Để viên mãn thành tựu pháp thân nên nhiếp thọ chính xác những nhân thù thắng của những địa ở sau.

Do sự tăng tiến lên mà mười địa tu riêng mười pháp Ba-la-mật-đa. Sáu địa trước thì tu riêng sáu Ba-la-mật-đa đã nói. Bốn địa sau thì tu riêng bốn Ba-la-mật-đa là:

1. Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa là đem những thiện căn của sáu pháp Ba-la-mật-đa trước đã tập hợp được, cùng với chúng sanh hưởng cầu vô thượng Bồ-đề.
2. Nguyện Ba-la-mật-đa là phát ra mọi đại nguyện nhiệm mầu. Dẫn ra những duyên thù thắng cho các Ba-la-mật-đa trong tương lai.
3. Lực Ba-la-mật-đa tức là do hai lực: Tư trạch lực và tu tập lực mà làm cho sáu Ba-la-mật-đa trước hiện hành một cách không gián đoạn.
4. Trí Ba-la-mật-đa tức là do cái trí nhiệm mầu được thành tựu bởi sáu Ba-la-mật-đa trước mà an hưởng pháp lạc và thành thực chúng sanh.

Tất cả bốn Ba-la-mật-đa này đều thống nhiếp vào phần đạt sau của vô phân biệt trí của tuệ Ba-la-mật-đa. Hơn nữa, trong tất cả địa không phải không tu tập tất cả Ba-la-mật-đa. Và pháp môn như thế này chính là kho tàng Ba-la-mật.

Lại nữa, hành giả phải trải qua bao nhiêu thời gian tu tập, các địa mới được viên mãn? Có năm giai đoạn và ba vô số kiếp:

- Giai đoạn thứ nhất thuộc về: Bồ-đặc-già-la thắng giải trải qua vô số kiếp thứ nhất tu hành viên mãn.

- Giai đoạn hai, ba, bốn thuộc về Bồ-đặc-già-la, giai đoạn hữu tướng hành, hành thanh tịnh ý lạc, hành hữu tướng về hành vô tướng sáu địa trước đến địa thứ bảy: trải qua vô số kiếp thứ hai tu hành viên

mãn.

- Giai đoạn thứ năm thuộc về Bồ-đặc-già-la hành vô công dụng tức địa thứ tám đến địa thứ mười, trải qua vô số kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Trong đây có bài tụng nói lên làm luận cứ:

Lực thanh tịnh tăng thượng

Tâm kiên cố, thắng tiến

Gọi Bồ-tát mới tu

Vô số ba đại kiếp.
